

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *628*/QĐ-UBND

Tân Quang, ngày *08* tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022.

(Có phụ biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

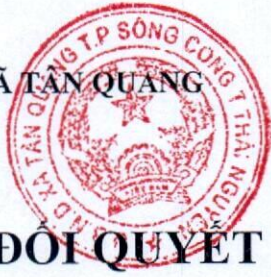
Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân TP;
- Phòng Tài chính TP;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các xóm;
- Lưu: VP;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Anh



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	9.945.874.636	Tổng số chi	9.866.632.025
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	807.020.700	I. Chi đầu tư phát triển	3.764.028.200
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	243.041.131	II. Chi thường xuyên	5.775.036.629
III. Thu bổ sung	8.612.065.629	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	327.567.196
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.920.768.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	4.691.297.629		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	9.958.072		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	273.789.104		
Kết dư ngân sách	79.242.611		



Biểu số 117/CKTC-NSNN

Tỉnh: Thái Nguyên
 Thành phố Sông Công
 Xã: Tân Quang

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ THEO NỘI DUNG KINH TẾ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Mã số	Dự toán năm		Quyết toán năm		(%) So sánh		
			Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	
A	Tổng số thu ngân sách xã	100	10.896.275.852	9.929.141.505	11.074.047.861	9.945.874.636	101,63	100,17	
I	Các khoản thu 100%	300	787.786.772	787.786.772	816.978.772	816.978.772	103,71	103,71	
1	Phí, lệ phí	320	95.000.000	95.000.000	90.856.000	90.856.000	95,64	95,64	
2	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định	330	116.637.500	116.637.500	116.673.500	116.673.500	100,03	100,03	
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	340							
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định	350							
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	360	486.191.200	486.191.200	486.191.200	486.191.200	100,00	100,00	
6	Thu kết dư ngân sách năm trước	380	9.958.072	9.958.072	9.958.072	9.958.072	100,00	100,00	
7	Thu khác	390	80.000.000	80.000.000	113.300.000	113.300.000	141,63	141,6	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	400	1.222.634.347	255.500.000	1.371.214.356	243.041.131	112,15	95,1	
Các khoản thu phân chia (I)									
1	Thuế thu nhập cá nhân	420	700.000.000		888.845.862		126,98		
2	Thuế nhà đất	430							
3	Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	440							
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	450							
5	Lệ phí trước bạ nhà, đất	460	270.000.000	135.000.000	238.841.435	119.420.723	88,46	88,5	
6	Thuế sử dụng Đất phi nông nghiệp	470	65.000.000	45.500.000	107.874.904	74.817.023	165,96	164,4	
7	Thuế Giá trị gia tăng	480	150.000.000	75.000.000	98.017.808	45.146.385	65,35	60,2	
8	Thu thuế thu nhập doanh nghiệp	490	7.725.050		7.725.050		100,00	#DIV/0!	
9	Tài nguyên khoáng sản khác								
10	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý.								
11	Thu tiền sử dụng đất								
12	Tiền thuế mặt đất thu một lần cho cả thời gian thuê								



13	Tiền chậm nộp thuế môn bài	25.622.442		25.622.442	100,00	
14	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân	163.406		163.406	100,00	
15	Tiền chậm nộp thuế GTGT	466.449		466.449	100,00	
16	Các khoản hoàn trả phát sinh ngoài niên độ ngân sách năm trước	3.657.000	3.657.000	3.657.000	3.657.000	100,00
17	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp					
	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định					
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	500	8.612.065.629	8.612.065.629	8.612.065.629	100,00
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	510	3.920.768.000	3.920.768.000	3.920.768.000	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	520	4.691.297.629	4.691.297.629	4.691.297.629	100,00
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	600				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)	650	273.789.104	273.789.104	273.789.104	100,00
B	Thu ngân sách xã Chưa qua kho bạc					



Tỉnh: Thái Nguyên

Thành phố: Sông Công

UBND Xã Tân Quang



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Nội dung	Đơn vị: đồng				So sánh(%)				
	Dự toán		Quyết toán		Tổng số		TX		
	Tổng số	ĐTPT	TX	ĐTPT	Tổng số	TX	ĐTPT	TX	
I	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng chi ngân sách xã	9.901.056.025	3.764.028.200	6.137.027.825	9.866.632.025	3.764.028.200	6.102.603.825	99,65%	100%	99,44%
Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	9.901.056.025	3.764.028.200	6.137.027.825	9.866.632.025	3.764.028.200	6.102.603.825	99,65%	100%	99,44%
Chi đầu tư phát triển	3.764.028.200	3.764.028.200		3.764.028.200	3.764.028.200	0	100,00%	100%	
Chi các hoạt động kinh tế	0			0					
Chi đảm bảo xã hội	5.809.460.629	0	5.809.460.629	5.775.036.629	0	5.775.036.629	99,41%		99,41%
Chi thường xuyên	827.689.000	0	827.689.000	827.689.000	0	827.689.000	100,00%		100%
Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	593.239.000	0	593.239.000	593.239.000	0	593.239.000	100,00%		100%
- Chi dân quân tự vệ	234.450.000	0	234.450.000	234.450.000	0	234.450.000	100,00%		100%
- Chi an ninh trật tự	35.000.000	0	35.000.000	35.000.000	0	35.000.000	100,00%		100%
- Hoạt động văn hóa nghệ thuật	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	100,00%		100%
- Hoạt động thể dục thể thao	368.603.929	0	368.603.929	368.603.929	0	368.603.929	100,00%		100%
Sự nghiệp kinh tế	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	100,00%		100%
- SN giao thông	163.136.400	0	163.136.400	243.984.000	0	243.984.000	100,00%		100%
- SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản - chăn nuôi	64.619.929	0	64.619.929	64.619.929	0	64.619.929	100,00%		100%
Công nghiệp điện năng	35.000.000	0	35.000.000	35.000.000	0	35.000.000	100,00%		100%
Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	181.274.000	0	181.274.000	146.850.000	0	146.850.000	100,00%		81%
Sự nghiệp xã hội	63.224.000	0	63.224.000	28.800.000	0	28.800.000	100,00%		46%
- Hưu xã thời việc và trợ cấp khác	118.050.000	0	118.050.000	118.050.000	0	118.050.000	100,00%		100%
Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ	54.876.800	0	54.876.800	54.876.800	0	54.876.800	100,00%		100%
Chi sự nghiệp môi trường	0			0					
Chi sự nghiệp giáo dục	178.180.000	0	178.180.000	178.180.000	0	178.180.000	100,00%		100%
Chi sự nghiệp y tế	4.138.836.900	0	4.138.836.900	4.138.836.900	0	4.138.836.900	100,00%		100%
Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	0			3.082.025.397	0	3.082.025.397			
Trong đó: Quỹ lương	3.572.990.950	0	3.572.990.950	3.572.990.950	0	3.572.990.950	100,00%		100%
Quản lý Nhà nước	186.718.950	0	186.718.950	186.718.950	0	186.718.950	100,00%		100%
Hội đồng nhân dân	185.460.000	0	185.460.000	185.460.000	0	185.460.000	100,00%		100%
Đảng	117.317.000	0	117.317.000	117.317.000	0	117.317.000	100,00%		100%
Mặt trận tổ quốc Việt Nam	31.350.000	0	31.350.000	31.350.000	0	31.350.000	100,00%		100%
Đoàn thanh niên cộng sản HCM	10.000.000	0	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	100,00%		100%
Hội liên hiệp Phụ nữ	10.000.000	0	10.000.000	10.000.000	0	10.000.000	100,00%		100%
Hội nông dân Việt Nam	25.000.000	0	25.000.000	25.000.000	0	25.000.000	100,00%		100%
Hội cựu chiến binh	327.567.196	0	327.567.196	327.567.196	0	327.567.196	100,00%		100%
Chi chuyển nguồn năm sau	0			0					
Chi nộp ngân sách cấp trên	0			0					
Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc	0			0					
Tam ứng XDCB	0			0					
Tam chi	0			0					

Đường bê tông xóm Làng Dỗ, xã Tân Quang; HM: Mặt đường (Đoạn đường hiện trạng đến công nhà bà Dược)	2020-2021	369.267.917	110.780.375	289.222.000	289.222.000	289.222.000	202.455.000	86.767.000
Cải tạo nâng cấp khu trung tâm xã	2021	964.661.557		944.708.000	944.708.000	944.708.000	944.708.000	
Sửa chữa nâng cao cấp đường trục xã (Đoạn từ cầu Tân Tiến - công nhà bà Viện)	2020-2021	1.384.098.150	276.819.630	1.042.506.433	1.002.300.000	1.002.300.000	1.002.300.000	
Đường bê tông xóm Tân Tiến, xã Tân Quang; HM: Mặt đường mặt đường (Đoạn từ đường ĐH-08 đến công nhà ông Dũng)	2022	571.795.077	171.538.523	404.674.000	142.229.920	142.229.920		
Đường bê tông xóm Bài Lài, xã Tân Quang; HM: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ công nhà ông bà Thông Hiền đến đường ĐH-08)	2022	47.306.124	14.191.837	33.364.000	11.168.480	11.168.480		
Đường bê tông xóm Bài Lài, xã Tân Quang; HM: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ đường ĐH-08 đến công nhà bà Bao)	2022	318.493.078	95.547.923	226.134.000	76.295.520	76.295.520		
Đường bê tông xóm Tân Tiến, xã Tân Quang; HM: mở rộng mặt đường (Đoạn từ đường bê tông hiện trạng đến công nhà ông	2022	158.336.550	47.500.965	109.635.000	39.156.960	39.156.960		
Đường bê tông xóm Tân thành 1, xã Tân Quang; HM: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ đường quốc lộ 3 đến công nhà ông Sơn)	2022	260.318.151	78.095.445	183.243.000	64.588.800	64.588.800		
Đường bê tông xóm Tân thành 1, xã Tân Quang; HM: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ nhà bà Dung Sinh đến công nhà bà Hương)	2022	607.929.394	182.378.818	432.774.000	150.976.320	150.976.320		
Đường bê tông xóm Đông Tiến, xã Tân Quang; HM: Mở rộng mặt đường	2022	902.552.830	270.765.849	602.115.000	161.741.120	161.741.120		
Đường bê tông xóm Làng Dỗ, xã Tân Quang; HM: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ công nhà bà Dược đến đường ĐH-04)	2022	384.928.238	115.478.471	273.554.000	89.078.720	89.078.720		
Đường bê tông xóm Đông Tiến, xã Tân Quang; HM: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ đường ĐH - 04 đến chùa Tân Yên)	2022	115.427.232	34.628.170	82.375.000	23.682.560	23.682.560		
Tổng số		3.818.618.425	788.464.629	3.103.892.433	3.764.028.200	3.764.028.200	3.277.837.000	486.191.200



BIÊN BẢN
Về việc công quyết toán ngân sách năm 2022

Hôm nay, hồi 8h00 ngày 08/08/2023

Tại: Trụ sở UBND xã Tân Quang

Đã tiến hành lập biên bản công khai quyết toán ngân sách năm 2022 bằng hình thức: Niêm yết tại trụ sở cơ quan.

Thành phần lập biên bản:

Chúng tôi gồm:

Ông Nguyễn Thế Anh - Chủ tịch UBND xã

Bà Trần Thị Thúy – Công chức văn phòng - thống kê

Bà Nguyễn Thị Hưng – Công chức Tài chính kế toán

Có sự chứng kiến của:

Bà Phạm Thị Lan Hương – Công chức tư pháp – hộ tịch

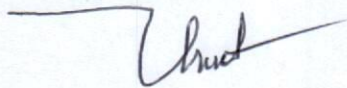
Bà Trần Thị Tuyền – Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã

Lập biên bản về việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022

Biên bản lập xong hồi 9h45 phút cùng ngày. Biên bản đã đọc lại cho mọi người nghe, nhất trí, ký tên.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thúy



Nguyễn Thế Anh



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó Nguồn đóng góp		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						NS	Nguồn đóng góp	
A	B	1	2	3	7	8	9	10
Tổng số								
Đường bê tông xóm Tân Mỹ 1, xã Tân Quang; HM: Mặt đường (Đoạn công ông Sáu - công ông Minh)	2020-2021	214.940.018	164.123.018	138.650.000	87.832.000			87.832.000
Đường bê tông xóm Mới, xã Tân Quang; HM: Mặt đường (Đoạn từ đường hiện trạng đến giáp phường Bách Quang)	2020-2021	377.616.112	151.046.445	297.477.000	191.541.600		74.782.800	116.758.800
Đường bê tông xóm Mới, xã Tân Quang; HM: Mặt đường (Đoạn từ đường hiện trạng đến trạm bơm La Chường)	2020-2021	129.270.767	51.708.307	98.679.000	63.909.200			52.301.300
Đường bê tông xóm Mới, xã Tân Quang; HM: Mặt đường (Đoạn từ trạm bơm La Chường - công nhà ông Bảo)	2021	110.988.215	44.395.286	79.023.000	77.662.000		46.597.200	31.064.800
Đường bê tông xóm Bài Lại, xã Tân Quang; HM: Mặt đường (Đoạn đường hiện trạng - công nhà ông Xường)	2020-2021	275.452.461	82.635.738	203.002.000	199.021.000		139.314.700	59.706.300
Đường bê tông xóm Đông Tiến, xã Tân Quang; HM: Mặt đường (Đoạn từ công nhà ông Mười đến công nhà bà Duyên)	2020-2021	88.998.739	35.599.496	71.079.000	70.867.000		42.520.000	28.347.000
Mương thoát nước xóm Bài Lại, xã Tân Quang	2021	118.264.507	35.479.352	78.196.000	78.047.000		54.633.000	23.414.000



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
A	1	2	3	4	5	6
TỔNG SỐ	492.293.000	492.293.000	0	492.293.000	316.866.320	175.426.680
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	337.792.000	337.792.000	0	337.792.000	162.365.320	175.426.680
+ Quỹ Trẻ thơ	100.777.500	100.777.500	0	100.777.500	54.694.920	46.082.580
+ Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa	80.868.500	80.868.500	0	80.868.500	42.175.000	38.693.500
+ Quỹ Khuyến học	27.171.500	27.171.500	0	27.171.500	18.415.400	8.756.100
+ Quỹ Vì người nghèo	37.322.000	37.322.000	0	37.322.000	5.500.000	31.822.000
+ Quỹ Phòng chống Thiên tai	13.580.000	13.580.000	0	13.580.000	13.580.000	
+ Quỹ nhân đạo	28.886.500	28.886.500	0	28.886.500	11.900.000	16.986.500
+ Quỹ người cao tuổi	25.633.500	25.633.500	0	25.633.500	8.600.000	17.033.500
+ Quỹ nạn nhân chất độc da cam	23.552.500	23.552.500	0	23.552.500	7.500.000	16.052.500
2. Các hoạt động sự nghiệp	154.501.000	154.501.000	0	154.501.000	154.501.000	
+ Sự nghiệp kinh tế	154.501.000	154.501.000	0	154.501.000	154.501.000	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN

Về việc kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022

Hôm nay, hồi 8h00 ngày 08/09/2023

Tại: Trụ sở UBND xã Tân Quang

Đã tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022 bằng hình thức: Niêm yết tại trụ sở cơ quan.

Thành phần lập biên bản:

Chúng tôi gồm:

Ông Nguyễn Thế Anh - Chủ tịch UBND xã

Bà Trần Thị Thúy - Công chức văn phòng - thông kê

Bà Nguyễn Thị Hưng - Công chức Tài chính kế toán

Có sự chứng kiến của:

Bà Phạm Thị Lan Hương - Công chức tư pháp – hộ tịch

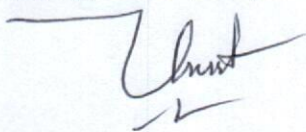
Bà Trần Thị Tuyền - Chủ tịch mặt trận tổ quốc xã

Lập biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023.

Biên bản lập xong hồi 9h45 phút cùng ngày. Biên bản đã đọc lại cho mọi người nghe, nhất trí, ký tên.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thúy

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Anh

**NỘI DUNG CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN THU,
CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 628/QĐ-UBND ngày 08 tháng 08 năm 2023 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022)



Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Thực hiện quyết định số: 3889/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Sông Công về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 thành phố Sông Công.

Kết quả thực hiện quyết toán thu chi ngân sách xã Tân Quang năm 2022 như sau:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Năm 2022 xã Tân Quang được thành phố giao kế hoạch thu ngân sách là : 742.000.000 đồng. Kết quả thực hiện tổng thu ngân sách nhà nước của xã năm 2022 theo phân cấp đạt 1.481.404.578 đồng, bằng 199,65% so với kế hoạch, trong đó:

Thu ngoài quốc doanh đạt 45.077.058 đồng bằng 95,91% so kế hoạch, thu trước bạ bằng 552.292.592 đạt 480,25% so kế hoạch, thu thuế thu nhập cá nhân bằng 650.626.373 đồng đạt 162,66 % so kế hoạch, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 44.179.555 đồng đạt 147,27% so kế hoạch, thu phí và lệ phí bằng 72.714.000 đồng đạt 90,89 % so kế hoạch, thu biện pháp tài chính bằng 115.720.000 đạt 165,3% so kế hoạch.

Công tác thu ngân sách của xã Tân Quang luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự lãnh đạo của đảng ủy, sự giám sát của HĐND xã. UBND xã luôn xác định thu ngân sách là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Tuy nhiên năm 2022 trên địa bàn xã có một số khoản thu thực hiện thấp, giảm so với cùng kỳ, nguyên nhân do chính sách thuế thay đổi theo nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được miễn số thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng phải nộp trong quý III và quý IV năm 2021. Các trường hợp đã nộp số thuế phát sinh trong quý III và quý IV năm 2021 sẽ được bù trừ số tiền thuế nộp thừa sang các kỳ tiếp theo nên đã ảnh hưởng đến số thu ngân sách năm 2022.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Chi thường xuyên

Tổng chi ngân sách xã Tân Quang năm 2022 là: 14.830.589.824 đồng trong đó: Chi thường xuyên là 5.910.403.924 đồng (Chi sự nghiệp văn hóa là 35.000.000đ , chi TDTT là 25.000.000đ, chi quản lý hành chính là



4.367.693.200 đ, chi an ninh 231.940.000đ, chi quốc phòng là 373.000.000đ, chi đảm bảo xã hội là 123.000.000đ chi sự nghiệp y tế là 147.331.000đ; chi sự nghiệp môi trường bằng 123.694.600đ; chi NSKT 230.227.000; chi khắc phục sự cố và đảm bảo ATGT là 145.000.000 đ; công nghiệp điện năng là 108.518.124đ)

Chi ngân sách xã Tân Quang năm 2022 cơ bản đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi trong kế hoạch và chi kịp thời các nhiệm vụ phát sinh như: Chi chúc mừng thọ người cao tuổi, hỗ trợ chi phí hỏa táng, tiền điện chiếu sáng các xóm, chi Đại hội thể dục thể thao, chi XD CSHT, chi phục vụ công tác thu gom chất thải rắn, y tế, văn hoá....

2. Chi đầu tư XD CB: Chi NSNN hỗ trợ XD các công trình (gồm cả xi măng và tiền) là 7.191.670.360đ và nguồn nhân dân đóng góp bằng tiền là: 1.728.515.540 đ, chủ yếu là chi làm đường bê tông nông thôn và sửa chữa mương thủy lợi

